

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN TỪ TRONG TÁC PHẨM NAM CAO

NGUYỄN THỊ VÂN ANH*

TÓM TẮT: Ngôn ngữ bằng lời là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người nhưng không phải là duy nhất. Trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp đương diện, người ta có thể dùng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như: cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, hành động,... của cơ thể; các tín hiệu màu sắc, âm thanh, các vật thể để phụ trợ cho ngôn ngữ. Nghiên cứu này chỉ ra những đặc tính, ý nghĩa của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được miêu tả trong việc khắc họa tính cách nhân vật; phát hiện ra dụng ý nghệ thuật của nhà văn Nam Cao khi miêu tả nhân vật ở những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

TỪ KHÓA: phương tiện giao tiếp; phi ngôn ngữ; giá trị nghệ thuật; tác phẩm Nam Cao.

NHẬN BÀI: 28/7/2017. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 14/8/2017

1. Dẫn nhập

Ngôn ngữ bằng lời là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người nhưng không phải là duy nhất. Trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp đương diện, người ta có thể dùng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như: cử chỉ, điệu bộ, màu sắc, âm thanh... để bổ trợ cho ngôn ngữ bằng lời. Ở bài nghiên cứu này, chúng tôi trình bày *Giá trị nghệ thuật của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong tác phẩm Nam Cao* nhằm thấy được những đặc tính, ý nghĩa của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong việc khắc họa tính cách nhân vật, phát hiện dụng ý nghệ thuật của nhà văn khi miêu tả nhân vật thông qua các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ ở những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung

Tác phẩm của nhà văn Nam Cao được chúng tôi khảo sát là những tác phẩm quen thuộc, được chọn giảng hoặc được nhắc đến nhiều trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông nhằm hướng tới mục đích góp phần phục vụ cho quá trình giảng dạy của giáo viên và sự tiếp nhận tác phẩm của học sinh. Từ 57 tác phẩm trong "*Tuyển tập Nam Cao*", chúng tôi thu được 142 hình thức biểu đạt phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Kết quả thống kê cụ thể như sau:

Dạng thức tiếp nhận	Số lượng hình thức biểu đạt	Tỉ lệ (%)
Bảng thị giác	110	77,5
Bảng xúc giác	2	1,4
Bảng nhiều các giác quan	30	21,1
Tổng	142	100

2.1. Hệ thống các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong tác phẩm Nam Cao

Từ những dạng thức tiếp nhận cơ bản nêu trên, chúng tôi phân chia thành các nội dung biểu đạt cụ thể như sau:

STT	Nội dung biểu đạt	Hình thức biểu đạt	Ví dụ
1	Chào	Chấp hai tay, ngoảnh mặt, dặng háng, bắt tay, đứng lên, hắt hàm...	- <i>Khô năm chặt tay tôi, Hiên rú lên: (...) [11, 463]</i>

* TS; Trường Đại học Quy Nhơn; Email: vananhngonngu@yahoo.com.vn

2	Tán đồng, tán thưởng	Gật đầu, vỗ đùi, cười...	- Bác sĩ Thịnh <i>vỗ tay xuống đùi</i> , đặc ý, <i>cười lên ha ha</i> [11,762]
3	Không tán đồng, từ chối	Xua tay, lắc đầu, giơ tay ngăn...	Tá bưng bình, vừa <i>xua tay</i> vừa cãi: (...) [11,74]
4	Đang suy nghĩ	Chỉ tay lên trán, cau mặt...	<i>Sau khi nghe một người chèo chuyện... ông uốn ngực ra, vênh cái mặt, giơ một ngón tay lên ngang trán...</i> [11,313]
5	Đang nói dối	Tránh ánh nhìn của người khác, tìm tìm cười...	<i>Trong khi San tránh ánh nhìn của Thú. Thú ngờ ngay câu chuyện San vừa nói là câu chuyện bịa.</i> [11,553]
6	Trạng thái tình cảm, cảm xúc của con người	Biểu đạt sự: - chán nản, đau khổ: <i>cười, nhìn, thờ dãi, lắc đầu...</i> ; - tức giận, khó chịu: <i>hất vạt gì đó, nghiêng răng...</i> ; - ngạc nhiên, sững sốt: <i>đột ngột thay đổi tư thế, tròn mắt...</i> ; - chế giễu, coi thường, khinh bỉ: <i>bĩu môi, nhếch miệng...</i> ; - bối rối, ngỡ ngàng, xúc động: <i>đỏ mặt, nhìn xuống, tránh cái nhìn...</i> ; - ân cần, âu yếm, yêu thương: <i>vuốt tóc, ôm hôn...</i>	- <i>Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt nước mũi, vừa bảo...</i> [11,43] - (...). Người mẹ <i>ngiêng chặt hai hàm răng lại, rít lên:</i> (...) [11,393] - <i>Hắn bĩu môi và bảo:</i> - <i>Lão làm bộ đấy!</i> [11,153] - <i>Con Hoa tím tím cười. Lũ em ngờ ngác nhìn theo con chó ăng ăng vừa chạy ngoài vườn. Còn Du thì mặt đỏ như gấc chín.</i> [11,156]

2.2. Giá trị biểu đạt của các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ trong tác phẩm Nam Cao

Các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ trong tác phẩm Nam Cao góp phần vào khắc họa nhân vật. Cụ thể:

(i) Thể hiện sự yêu thương

Ân cần, âu yếm, quan tâm người khác là một trạng thái tình cảm, cảm xúc của con người. Nhưng tình cảm ấy được bộc lộ như thế nào lại phải dựa và những cử chỉ điệu bộ chứ không đơn thuần là lời nói suông. Nhân vật trong tác phẩm của Nam Cao là những nhân vật đa dạng về tính cách, đa dạng về trạng thái cảm xúc. Ví dụ:

- *Chị tần mẫn vuốt tóc Quán một lúc rồi quả quyết đứng lên, vươn vai ngáp và ra sân.* [11,775]
- *Chị ôm chặt thằng bé vào sát ngực.* [11,782]

Trong các tác phẩm của mình, nhà văn Nam Cao sử dụng nhiều phương tiện giao tiếp phi ngôn từ thể hiện sự yêu thương đối với những người thân trong gia đình, đặc biệt là tình yêu thương của cha mẹ với con. Những cử chỉ: *ghế xuống giường con, đặt bàn tay lên trán nó, vuốt tóc, gục mặt hôn con, ôm chặt thằng bé vào sát ngực...* đã làm nổi bật hình ảnh người phụ nữ Việt Nam với bao nhiêu tình thương yêu dành cho con cái, tình yêu thương ấy, nhẹ nhàng, tha thiết đậm chất nữ tính. Bày tỏ sự yêu thương còn có những *cái nhìn âu yếm, cái nắm tay...* của các nhân vật. Nhân vật luôn bày tỏ sự yêu thương là những nhân vật biết trân trọng những người thân trong gia đình.

(ii) Thể hiện sự đau khổ

Đau khổ cũng là một trạng thái tình cảm của của con người, trong bảng thông kê trên, chúng tôi đã nêu nhiều phương tiện phi ngôn từ biểu đạt sự chán nản, đau khổ như: *cười, nhìn (có chủ đích), bấu víu vào vật gì đó, thờ dài, lắc đầu,...* Điển hình là nhân vật Hiền trong tác phẩm “*Truyện người hàng xóm*”, nhân vật này tập trung nhiều sự đau khổ chán nản với nhiều biểu hiện. Ví dụ:

- *Mũi Hiền phập phồng một cái. Ngực nó phình ra, thót vào nhanh và mạnh. Tiếng nức nở thoát ra như người thờ. Nó bấu chặt lấy mẹ nó.* [11,483]

- *Như điên dại, hấn lao mình ra khỏi ngõ, cầm đầu bước những bước như chạy.* [11,517]

Những cử chỉ *bấu lấy mẹ, lao mình, cầm đầu,...* của Hiền khiến chúng ta thấy được Hiền là một nhân vật đa sầu, đa cảm, có bản chất yếu đuối, sống nội tâm nhiều, khi gặp đau khổ, nhân vật thường muốn tìm một cái gì đó để bấu víu lấy, bất kể đó là ai, là vật gì. Bản chất yếu đuối của nhân vật toát lên một cách rõ rệt thông qua những miêu tả về cử chỉ ấy, cũng bởi vì tình yêu thương của nhân vật dành cho những người mình yêu thương quá lớn nên nhân vật không muốn để mất họ, nhân vật muốn giữ họ thật chặt để những người yêu thương của mình không phải rời xa mình một lần nữa. Mặt khác, nhân vật đã chịu nhiều tổn thương và thiếu thốn tình cảm của gia đình nên nhân vật muốn tìm chút hơi ấm tình thương yêu ở những cánh tay, bàn tay kia đem lại.

(iii) Thể hiện niềm hạnh phúc

Hạnh phúc có khi được nhân vật bộ lộ bằng lời nói nhưng phần lớn hạnh phúc được các nhân vật biểu hiện bằng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ,... Ví dụ:

- *Thị Nở bỗng nhiên bật cười. Thị Nở vừa rủa vừa đập tay lên lưng hấn. Nhưng đó là cái đập yêu, bởi vì đập xong, cái tay ấy lại giúi lưng hấn xuống. Và chúng cười với nhau...* [11,52]

- *Hấn nhìn bát cháo bốc khói mà băng khuâng. Thị Nở thì lại nhìn trộm hấn, rồi lại toe toét cười.* [11,56]

Ở ví dụ trên, nhân vật thể hiện niềm hạnh phúc chính là Thị Nở, người phụ nữ được gọi là xấu “*ma chê quỷ hờn*”, người phụ nữ ấy dờ hơi, ngát ngát nhưng khi gặp Chí Phèo, Thị xấu, nhưng cái xấu của Thị có duyên vô cùng, Thị cũng biết yêu, Thị yêu Chí Phèo. Cái *nhìn trộm* của Thị, rồi lại *toe toét cười* ấy đó là cách Thị bày tỏ niềm hạnh phúc. Ngoài Thị Nở, trong tác phẩm của Nam Cao còn có nhiều nhân vật khác nữa cũng có niềm hạnh phúc như vậy, những sự việc tưởng chừng rất đơn giản nhưng lại chan chứa tình yêu thương rồi đem lại cho nhân vật niềm hạnh phúc - hạnh phúc gia đình. Phương tiện giao tiếp phi ngôn từ thường được nhân vật sử dụng để biểu đạt niềm hạnh phúc là những *điệu cười, những hành động âu yếm* và họ tự cảm nhận niềm hạnh phúc riêng của mình.

(iv) Thể hiện lối sống cam chịu

Trong tác phẩm của Nam Cao, những nhân vật sống cam chịu thường là những người phụ nữ, họ luôn bị giai cấp, xã hội phong kiến đè nén và thông thường người phụ nữ có tính nhẫn nhịn nên họ không muốn chống đối lại các thế lực mạnh hơn. Để biểu đạt sự cam chịu ấy nhân vật thường thể hiện bằng những cử chỉ, điệu bộ đi kèm lời nói. Ví dụ:

Nhu có thể không công nhận cho chồng lấy vợ hai, nhưng Nhu chẳng làm gì, chẳng hé răng nói một lời gì! Nhu ngoan ngoãn in ngón tay Nhu vào tờ giấy hôn thú. Nhu bằng lòng cho đem vợ lẽ về nhà. Nhu lẳng lặng quay mặt đi mỗi khi chúng đùa cười với nhau ngay trước mặt Nhu.... Nhưng Nhu ngời thừ mặt, ai bảo sao cũng không đáp lại. [11, 245].

Trong tác phẩm “*Ở hiền*”, nhân vật Nhu được biết đến với một bản tính hiền lành nhưng nhu nhược, không bao giờ biết đấu tranh cho bản thân mình, ai bảo sao làm vậy, không muốn nói lại ai câu gì. *Ngời thừ mặt, khóc như mưa* là cách mà người phụ nữ này chọn để giữ im lặng. Ngoài Nhu, chúng ta còn có thể bắt gặp một nhân vật cũng có cuộc sống cam chịu như vậy, đó chính là dì Hạo trong tác phẩm cùng tên. Ví dụ: *Còn đi, đi biết phận đi. Đi cố nhắm mắt để khỏi trông thấy chúng. Đi chẳng hé răng nói nửa lời, nhưng đi khóc ngấm ngấm khi chúng cười vui, đi nhịn quắt ruột khi chúng ăn phung phí* [11, 337]. Nhân vật nữ thường là những người cam chịu cuộc sống, cam chịu

với sự đối xử không tốt của người chồng trong gia đình để rồi họ phải *cố nhắm mắt, cắn chặt răng* cho qua chuyện và phải nhận những gì bất hạnh về mình.

(v) *Thể hiện cuộc sống bế tắc*

Trong sáng tác của Nam Cao, người nông dân là đối tượng được tác giả đề cập nhiều nhất. Mỗi nhân vật đều mang một tính cách, một phong cách riêng, tha hóa có, độc ác có, lương thiện có và trong suốt cuộc đời luôn giữ được cho mình hai chữ lương thiện một cách trọn vẹn như lão Hạc thật hiếm. Cũng bởi quá lương thiện, quá hiền lành nên nhân vật luôn rơi vào trạng thái bế tắc vì không tìm ra được lối thoát cho chính mình. Ví dụ:

Tôi mãi mới chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết. [11, 256].

Nhân vật lão Hạc là nhân vật lương thiện, nhưng ở nhân vật này như chất chứa nhiều nỗi suy tư khiến lão trở nên bế tắc. Cừ chi “lắc đầu” ngoài cái được biểu đạt là không tán thành, không đồng ý, thì trong tác phẩm, khi miêu tả nhân vật lão Hạc lại thấy cừ chi ấy còn biểu đạt sự chán nản, bế tắc. Hàng loạt các hành động của Lão Hạc: *vật vã ở trên giường, hai mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra, chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên...* và những điệu cười của lão đầy u buồn, đầy suy tư. Cuối cùng thì lão chọn cho mình một cái chết đầy đau khổ. Khi con người ta bế tắc, cùng đường thì cái chết họ chọn cũng không được êm xuôi.

(vi) *Thể hiện nội tâm của nhân vật*

Thứ và San trong tác phẩm “*Sống mòn*” là hai nhân vật điển hình cho bi kịch sống mòn người trí thức trước cách mạng. Họ là những người trí thức có nhân cách, có tâm hồn, ôm ấp ước mơ, hoài bão cao đẹp nhưng lại bị cuộc sống cơm áo ghi sát đất. Suốt cuộc đời họ theo đuổi những ước vọng nhưng rồi từng bước lại phải thỏa thuận, đầu hàng số phận. Nhân vật thường trĩu nặng suy tư và những day dứt trong cuộc sống nội tâm mà ít hành động. Khắc họa tính cách này, Nam Cao rất chú ý miêu tả các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ được họ sử dụng trong giao tiếp hằng ngày. Để cá biệt hóa tính cách hai nhân vật này, Nam Cao chú ý miêu tả sự khác nhau trong cử chỉ, điệu bộ của họ. Miêu tả Thứ và San, nhà văn đặc biệt miêu tả *tiếng cười*. Ngoài tiếng cười và điệu bộ *tặc lưỡi, bĩu môi*, hai nhân vật rất ít được miêu tả thêm các cử chỉ, điệu bộ khác. Ở đây chúng tôi phân tích nhân vật Thứ:

Thứ sử dụng khá nhiều điệu bộ, cử chỉ để giao tiếp nhưng *tiếng cười* và hành động *tặc lưỡi* được nhân vật sử dụng nhiều hơn cả. Nhân vật Thứ được miêu tả 6 lần *cười* và 12 lần *mím cười* khi nói chuyện. Ngoài ra còn có *cười nhả nhặn, cười xòa, cười tủm tỉm, cười gươngng...* Thứ mím cười có khi là sự chế giễu, đùa vui, nhưng rất nhiều khi điệu cười của Thứ là để biểu lộ sự mỉa mai, chua chát, sự cay đắng, sự xấu hổ. Ví dụ: *Thứ cười nhả nhặn, khẽ cúi đầu, như đáp chuyện một phụ nhân: - Dạ!.. thưa... vâng! Giá tiền ở đây, ông bà giúp cho được thì tiện quá. Khỏi phải phiền bà cụ. Nhưng ông bà bận...* [11, 626].

Thứ còn sử dụng cử chỉ *tặc lưỡi* để buông xuôi, đồng ý, để xuê xoa cho xong chuyện: *Thứ tặc lưỡi một cái và nói tiếp: Với lại có mày chịu được thì chúng ta cũng chịu được.* [11, 588].

Các cử chỉ, điệu bộ mà nhân vật Thứ thường sử dụng cho ta thấy được phần nào tính cách nhân vật. Đó là con người sống thiên về nội tâm, nhiều dằn vặt và rất nhạy cảm. Thứ thể trạng yếu đuối, lại sống nội tâm nên con người này dễ dặt trong từng cử chỉ và hành động. Khi bày tỏ sự vui mừng, Thứ cũng chỉ cười. Khi khó chịu và tức giận, Thứ cũng chỉ *bĩu môi, nhún vai, cười gằn*. Khi ngạc nhiên, Thứ cũng chỉ *mở đôi mắt to*, các điệu thái tiếng cười của Thứ cũng đơn điệu với cường độ và âm thanh nhỏ, Thứ mang hoài bão lớn nhưng thể trạng và bản chất yếu đuối cùng gánh nặng cơm áo đã không cho phép nhân vật bút phá khỏi hoàn cảnh để đạt được mục đích của đời mình.

Và rồi nhân vật cứ sống mòn theo thời gian, theo cái bi kịch cuộc đời mà trước giờ nhân vật đã sống cùng với nó.

(vii) Thể hiện nhân vật dị dạng, dị hình:

Trong thế giới các nhân vật của Nam Cao có những mẫu người hoàn hảo về ngoại hình, về tính cách, nhưng cũng có những nhân vật được Nam Cao miêu tả như những người kì dị. Họ kì dị về hình dáng, lẫn kì dị về tính cách. Chính điều này đã tạo nên sự phong phú, hấp dẫn của nhân vật trong tác phẩm của ông. Ví dụ:

- *Hắn nhìn giữa hai lọ nước và tựa lưng vào góc chuối, một người đàn bà ngồi tênh hênh.(...). Thị giẫm chân xuống đất, rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng... Thị chống tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và lại tớn cái môi vĩ đại lên,... Cái mũi đồ của thị dị xuống rồi lại bạnh ra. Thị há hê lắm. Thị ngoay ngoáy cái móng đất đi ra về. [11, 59].*

Khi Nam Cao miêu tả về Thị Nở chắc hẳn Nam Cao đã có sự cân nhắc khi lựa chọn các chi tiết để tạo nên khuôn mặt cực xấu và một tính cách dờ hơi cho Thị. Đó chỉ là miêu tả bề ngoài. Còn trong tác phẩm, tác giả không nêu lên một sự việc nào nói rằng Thị làm ảnh hưởng đến mọi người. Thị dờ hơi nhưng thị không làm hại ai cả. Ngược lại Nam Cao lại cho chúng ta thấy rằng cái dờ hơi của Thị rất hay, nó hay bởi Thị muốn làm gì Thị thích, vô tư, thoải mái, Thị thích ngủ ở đâu, lúc nào cũng được, Thị *ngồi tênh hênh*...Thị không hề biết rằng như vậy là xấu và vô cùng kì quặc bởi Thị không biết Thị xấu. Ấy thế mà Thị Nở lại có một tâm hồn đẹp, có nhiều người đã cho rằng Thị Nở là mẫu người phụ nữ Việt Nam đẹp nhất lúc bấy giờ, bởi Thị là người duy nhất làm cho một con vật như Chí Phèo muốn quay lại làm người, làm người lương thiện, và cũng chỉ có Thị trong làng Vũ Đại ngày ấy xem Chí Phèo là con người, một con người đúng chất.

Ngoài nhân vật Thị Nở, còn có ông Lang Rận. Ông làm nghề bốc thuốc nhưng vì người ông bản thiú, có nhiều rận, xấu xí và có những hành động kì quái nên người người ta gọi ông là Lang Rận. Ví dụ: *Mặt gì mà nặng trịch trịch như mặt người phù, da như da con tằm bưng, lại lấm tẩm đầy những tàn nhang. Cái trán cũng ngắn ngắn ngắn ngắn, lại gồ lên. Đôi mắt thì híp lại như mặt con lợn sề. Môi rất nở cong lên, bịt gần kín hai cái lỗ mũi con con, khiến anh ta thở khò khè. [11, 272].*

Không phải lúc nào Nam Cao cũng miêu tả người dị hình, dị dạng nhưng vẫn có tâm hồn đẹp, mà có nhân vật ngoại hình đi đôi với bản tính. Như Trương Rự trong tác phẩm "Nửa đêm", hẳn xấu một cách khó tả mà bản tính lại cộc mịch, im im ít nói, người khác nhìn vào phải sợ ngay bởi cấu hình trên khuôn mặt hẳn quá kì quái: *Da đen như cột nhà cháy, mặt đỏ tở ong, trán thấp và bóp lại ở hai bên, tóc còm cộp dờ ngắn dờ dài, mắt tí hí nhưng sáng như mắt vọ, đã thế còn được đôi lông mày rậm và dựng đứng như hai con sâu róm nằm trên trợ lục; tất cả những cái ấy vào hùa với cái mũi ngắn và to hếch lên như mũi hổ phù, đôi lông quỳnh cao trên những cái má trũng như hai cái hố, những cái xương làm nổi bật lên, và bộ răng cái mà nhai xương rau rầu, cùng nhãn nhỏ, trùng trợn với nhau để tạo cho hẳn một bộ mặt làm cho trẻ con trông thấy phải thét lên như bị ma bóp cổ. [11, 298].*

Những nhân vật nêu trên được tác giả miêu tả như những người quái dị, dị dạng về ngoại hình và tiếp theo đó là dị dạng về tính cách của bản thân, những nhân vật dị hình, dị dạng này không đơn thuần là tác giả tạo ra để làm tác phẩm thêm hấp dẫn mà dường như một phần là họ được tạo ra bởi xã hội cũ lúc bấy giờ, họ là sản phẩm của xã hội cũ.

(viii) Thể hiện sự tha hóa của nhân vật

Có nhiều nhân vật trong tác phẩm của Nam Cao bị tha hóa do xã hội phong kiến lúc bấy giờ tạo ra. Nam Cao đã làm xuất hiện những con người dị dạng, dị hình như một Chí Phèo, hay một con người biến đổi tư cách chỉ vì mọi người ghen ghét với cái danh "thằng mõ" của anh cu Lộ, v.v. Tính tha hóa của nhân vật không chỉ thể hiện qua lời kể của tác giả về nhân vật mà còn được thể hiện ở chính cử chỉ, điệu bộ của nhân vật. Ví dụ:

- *Cụ đất Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa, và Chí Phèo chịu đi; hần chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què.* [11, 36]

- *Uống xong hần chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà Bá Kiến. Gặp ai hần cũng bảo: hần đến nhà cụ Bá Kiến đòi nợ đây!...Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì lão đảo, cái môi bầm lại mà run bần bật.* [11, 43]

Cái tha hóa của Chí Phèo thể hiện rõ nhất đó là một thằng say, người đọc thấy hần say không chỉ qua điệu bộ “*hai chân lão đảo, ngật ngà ngật ngưỡng*”, mà còn thấy hần “*lăn lộn dưới đất, lấy mảnh chai cào vào mặt*” hay “*cố khập khiễng cái chân như bị què*”. Chí Phèo đã biến chất, tha hóa trở thành một con người dị dạng, dị hình, những hành động của hần cho thấy hần mượn cái say để ăn vạ người khác, hần đã mất đi bản tính lương thiện trước kia của hần, để bây giờ trở về làng Vũ Đại, mọi người không ai coi hần là người. Ngay cả khi đứng trước một người đàn bà, Chí Phèo cũng tha hóa hần. Trước kia, khi gần gũi với bà Tư, Chí Phèo “*run*” đó là cái run của sợ hãi, cái “*run*” của cái địa vị thấp hèn không dám động chạm đến những người ở tầng lớp trên vì sợ mang tội. Còn bây giờ, khi nhìn Thị Nở hần cũng “*run run*”, nhưng giờ hần không sợ hãi mà là “*run*” khi người đàn ông đứng trước một người đàn bà, bản tính của một người đàn ông đã thức dậy. Bản tính ấy còn được biểu hiện rõ hơn ở “*ú đầy miệng bao nhiêu là nước dãi, nuốt ừng ực*”.

Ngoài hình ảnh một Chí Phèo bị tha hóa, chúng ta còn bắt gặp một anh mỗ hiền lành như anh cu Lộ cũng bị chính xã hội đưa đẩy trở thành một người tham lam đung chất. Ví dụ: *Một hôm, trong một đám khao, Lộ vừa chực ngồi cỗ thì ba người ngồi trước đứng cả lên. Lộ ngồi trơ lại một mình. Mặt hần đỏ bừng lên. Hần do dự một chút rồi lại cũng phải đứng lên nốt, mặt bẽn lẽn cúi gằm xuống đất.* [11, 214]

Từ một con người hiền như cục đất, anh cu Lộ chịu làm “*mỗ*” chỉ vì không ai chịu làm, và khi anh chăm chỉ làm, cuộc sống thư thả một tí thì có người lại khinh khỉnh anh. Lúc đầu anh còn ái ngại, còn “*đỏ mặt*” nhưng rồi anh cũng quen, anh cu Lộ “*tặc lưỡi*” như là một sự chấp nhận, cho qua chuyện, mặc kệ người ta nói gì anh không cần quan tâm đến.

(ix) *Thể hiện thân phận giàu sang hay nghèo hèn*

Sự giàu sang hay nghèo hèn của nhân vật được thể hiện ở nhiều khía cạnh. Một trong những khía cạnh đó được biểu hiện ở *trang phục, cử chỉ* của nhân vật và thông qua đó người đọc có thể nhận biết được ai giàu sang, ai nghèo hèn. Ví dụ: *Hàn nhớ ra rằng: hần là con danh giá ở làng này; hần đi học ở tỉnh về: quần áo hần giặc là và chân hần dận giày tây; đầu hần dẫm chất nhờn ở phía ngoài và vãn chương thì ở phía trong.* [11, 203].

Qua ví dụ trên chúng ta thấy nhân vật có sự khác biệt hần về địa vị so với những nhân vật khác trong tác phẩm. Bởi nếu xét trong hoàn cảnh lúc bấy giờ *mặc quần là, đi giày tây, quần áo lụa nỡn, súc nước hoa...* là những thứ xa xỉ. Tác giả cho chúng ta thấy những nhân vật này là những người có tiền, sống khá giả, nhưng không phải ai ăn vận đồ tây, lụa là cũng là người danh giá.

Trái ngược với sự giàu sang, phú quý là hình ảnh nhân vật nghèo như: *Dần mặc những áo vải thường ngày nghĩa là một cái quần công cộc xằng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng nhiều chỗ vá lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách* [11, 295]. Nhân vật Dần trong tác phẩm “*Một đám cưới*” là một cô gái ngoan hiền, nét na, có cuộc sống cùng cực. Trong ngày cưới của mình, cô gái trẻ chỉ mặc những áo vải thường ngày. Hình ảnh: *cái áo nâu bạc phếch, nhiều chỗ vá, một bên tay rách...* đã tạo cho người đọc cảm giác xót thương, đồng cảm với nhân vật trong câu chuyện.

(x) *Thể hiện lớp nhân vật hung bạo*

Lớp nhân vật hung bạo trong thế giới nhân vật của Nam Cao là những nhân vật phản diện, có nhiều biểu hiện xấu trong cuộc sống, hay có những hành động thô bạo với người khác, hay là những nhân vật khi nhắc đến là mọi người đều có ác cảm. Những phương tiện phi ngôn từ được nhân vật sử dụng cũng lột tả lên tính cách xấu của nhân vật. Ví dụ:

- *Hắn nắm lấy cổ y, đẩy y vào chỗ cột nhà... Hắn cỡi cái thắt lưng của y, trói ngang lưng y vào cái cột.* [11,102]

- *Hắn bỗng nhiên vùng dậy, cầm cái roi mây chạy lại, nghiêng răng vọt đen đét vào mông y.* [11,102]

Ngay tên tác phẩm “*Đòn chông*” đã cho người đọc thấy được nội dung toàn bộ câu chuyện sẽ là cảnh người vợ bị người chồng đánh đập, chửi bới. Tác giả miêu tả nhân vật bằng hàng loạt các hành động nhằm lột tả nhân vật là một người chồng ham ăn tục uống, vũ phu, đánh vợ tàn nhẫn, xem vợ mình như là con vật.

Không chỉ những người đàn ông mới có tính hung bạo, mà ở những người phụ nữ họ cũng dữ dằn không kém: *Họ nháy vào nhau. Người họ bấu lấy tóc người kia. Hai mái tóc sổ ra. Hai người vừa gào lên, vừa giằng giụa... Bà xoắn được tóc bà Ngã trước, dúm đầu bà Ngã xuống. Bí thế, bà Ngã vừa kêu ằng ặc, vừa thúc nắm tay vào bụng đối phương* [11, 424].

Từ những ví dụ phân tích nêu trên, chúng ta thấy nhà văn Nam Cao đã sử dụng hệ thống tín hiệu phi ngôn ngữ rất phong phú và hiệu quả trong việc khắc họa hình ảnh và tính cách nhân vật. Thông qua những phương tiện phi ngôn ngữ ấy, Nam Cao đã tạo ra nhiều dạng nhân vật, làm phong phú thêm cho thế giới nhân vật của ông.

3. Kết luận

Thế giới nhân vật trong tác phẩm của Nam Cao rất phong phú, lạ thường. Không chỉ là người nông dân, người trí thức mà là những kiểu người, những thân phận người trong trăm ngàn cảnh ngộ. Điều kì diệu là Nam Cao đã khai thác sâu sắc, miêu tả nhiều cảnh ngộ rất khác nhau, những cảnh ngộ riêng biệt ấy đã nhào nặn và tạo nên những mẫu người. Có người trong suốt cuộc đời luôn giữ được hai chữ lương thiện một cách trọn vẹn, trong sáng như Lão Hạc, có người phải vất vả chống lại sức ép của hoàn cảnh để bảo vệ được nhân phẩm cần thiết, như các nhân vật trí thức nghèo, có người bị tha hóa, biến chất... Thực ra đó là một dụng ý nghệ thuật và một trong những đơn vị góp phần làm nên sự phong phú thế giới nhân vật của Nam Cao chính là tác giả đã sử dụng rất thành công các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (1992), *Đại cương về Ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Max A. Eggert (Lê San, Kim Nương dịch), *Ngôn ngữ cơ thể thông minh*, Nxb Trẻ, TP HCM.
5. Hồ Lê, Quy luật ngôn ngữ, Quyển hai (1995), *Tính quy luật của cơ chế ngôn giao*, Nxb Khoa học Xã hội.
6. Trần Thị Nga (2005), *Nghiên cứu đặc điểm văn hóa ngôn ngữ cử chỉ của người Việt*, Đề tài NCKH cấp ĐHQG, Hà Nội
7. Nguyễn Ngọc Lâm (1998), *Khoa học giao tiếp*, Ban XBDHMBTC Tp. HCM.
8. Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Như Ý- chủ biên (1999), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
10. *Tuyển tập Nam Cao* (2013), Nxb Văn học.

Abstract: Verbal language is the most important means of human communication but not the only one. In many communication situations, especially face-to-face communication, it is also possible to use non-verbal communication means such as gestures, facial expressions, body language, color signals, sounds, objects, etc. to support the language. In this study, we present "The artistic value of non-verbal media in Nam Cao's works". This helps to recognize the characteristics and meanings of the non-verbal communication means presented in character depiction, and this also helps to discover Nam Cao's artistic implications when describing the characters in specific communication situations as well.

Key words: means of communication; non - verbal; artistic value; Nam Cao's work.